TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Cường Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thu và bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2025/TLST- HNGĐ ngày 03/4/2025, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2025 và số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 (Có mặt).

HKTT: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh H).

Trú tại: Đồn Công an sân bay quốc tế N, số 22, quốc lộ 2A, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã N, thành phố Hà Nội).

Bị đơn: Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1991 (Có mặt);

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

****** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Ngô Thị Thu H vào ngày 21 tháng 9 năm 2020, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh H), khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống cùng nhau tại gia đình nhà bố mẹ chị H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có

tiếng nói chung, chị H luôn có thái độ coi thường, lời nói xúc phạm gia đình nhà chồng, chia rẽ tình cảm giữa anh với gia đình mình, từ khi ly thân với anh đến nay chị H cắt đứt mọi quan hệ với gia đình bên chồng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm trí có cả những tin nhắn xúc phạm nhau trên cả mạng Zalo, chị H còn có những lời lẽ lăng mạ, sỉ nhục anh trước mặt bố mẹ vợ, làm cho anh cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi, hoang mang, khủng hoảng về tinh thần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết, có khuyên giải vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng không được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ngô Thị Thu H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/7/2021, hiện cháu đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn anh xin giao cháu H cho chị Ngô Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh sẽ có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh xin chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Ngô Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T vào ngày 21 tháng 9 năm 2020, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh H), khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống cùng nhau tại gia đình nhà bố mẹ chị. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị vẫn hoà thuận, không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng chị không ly thân mà do điều kiện công việc nên anh T đi làm cuối tuần không phải trực thì sẽ về thăm gia đình. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì vẫn chung sống tình cảm nên chị không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/7/2021, hiện cháu đang ở cùng với chị. Nếu phải ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm nhân viên văn phòng, thu nhập từ trung bình từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng. Về chỗ ở: Hiện nay chị và cháu H đang ở cùng bố mẹ chị tại thôn T, xã T, tỉnh Bắc

Ninh. Bố mẹ chị sinh được 03 người con thì có anh trai chị và em trai chị đang làm ăn, sinh sống tại Hà Nội nên giờ chỉ có mình chị và cháu H ở cùng bố mẹ.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T. Xử cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Ngô Thị Thu H.

- Về con chung: Khi ly hôn giao con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/7/2021 cho chị Ngô Thị Thu H nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thoả thuận của anh T và chị H về việc anh T có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hải đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc T có đơn xin ly hôn theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Chị Ngô Thị Thu H hiện trú tại thôn T, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh). Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Ngô Thị Thu H kết hôn vào ngày 21/9/2020 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh T (nay là xã V, tỉnh H). Khi kết hôn anh chị đủ điều

kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Ngô Thị Thu H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, anh T cho rằng vợ chồng có mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, chị H luôn có thái độ coi thường, lời nói xúc phạm gia đình nhà chồng, chia rẽ tình cảm giữa anh với gia đình mình, từ khi ly thân với anh đến nay chị H cắt đứt mọi quan hệ với gia đình bên chồng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm trí có cả những tin nhắn xúc phạm nhau trên cả mạng Zalo, chị H còn có những lời lẽ lăng mạ, sỉ nhục anh trước mặt bố mẹ vợ, làm cho anh cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi, hoang mang, khủng hoảng về tinh thần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Trước đây nhiều lần chị H gửi đơn xin ly hôn lên cơ quan của anh để bắt anh ký vào đơn ly hôn. Về phía chị H cho rằng vợ chồng anh chị vẫn chung sống hoà thuận, không có mâu thuẫn gì, vợ chồng chị không ly thân với nhau do điều kiện công việc nên anh T có đi làm xa, cuối tuần không phải trực thì sẽ về thăm gia đình.

Tại phiên toà, chị H xác định vẫn còn tình cảm với anh T, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Hàng tháng anh T vẫn chuyển khoản cho chị để chăm lo cuộc sống, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cho con có đủ bố mẹ. Chị H khẳng định vẫn làm tròn bổn phận người vợ, người mẹ, người con dâu trong gia đình anh T, vẫn đưa cháu H về thăm ông bà nội. Chị hứa sẽ thay đổi theo như anh T mong muốn nên chị không đồng ý ly hôn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh không thể chung sống với người vợ như chị H, anh cũng không muốn và cũng khẳng định chị H không thể thay đổi. Chị H nói vẫn còn tình cảm nhưng đã rất nhiều lần gửi đơn lên cơ quan của anh đề nghị anh ký đơn ly hôn. Hai vợ chồng đã ly thân từ lâu không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Việc anh chuyển khoản cho chị H là để nuôi dưỡng cháu Hải chứ không phải là còn tình cảm với chị H. Cuộc sống của anh khi ở với chị H luôn nặng nề, căng thẳng, áp lực. Anh mong muốn Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng anh T, chị H chung sống với nhau bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, việc ai người đó làm, mỗi người sống một nơi, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, có những lời lẽ xúc phạm nhau thể hiện trong những tin nhắn trên mạng Zalo giữa hai vợ chồng. Theo lời trình bày của ông K, bà T, chị M và chị M là bố mẹ và hai chị gái của anh T khẳng định giữa chị H và anh T có mâu thuẫn vợ chồng là có thật, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khi chị H về làm dâu thì gia đình chồng yêu thương, dạy bảo nhưng chị H luôn có thái độ, lời nói không tôn trọng gia đình chồng. Từ khi vợ chồng ly thân chị H không hỏi han, quan tâm và không về gia đình chồng kể cả lễ tết và ngày quan trọng. Có lần ông K gọi để chị cho cháu H về nhưng chị cũng không cho về. Mâu thuẫn giữa chị và anh T, gia đình đã khuyên bảo, tìm các phương pháp hoà giải nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng khiến anh T mệt mỏi, căng thẳng, chị H nhắn tin áp lực tinh thần, xỉ báng, xúc phạm anh

T. Ông, bà và hai chị mong Tòa án giải quyết sớm để cho anh T ổn định cuộc sống. Việc chị H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm kéo dài vụ án, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh T và chị H có xảy ra tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức. Anh T kiên quyết xin ly hôn chị H còn chị H nói còn tình cảm, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng hành động của chị lại đi ngược lại lời nói. Anh Nguyễn Ngọc T làm đơn xin ly hôn chị Ngô Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T, xử cho anh Tân được ly hôn với chị Ngô Thị Thu H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/7/2021, hiện nay cháu H đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn, anh T và chị H đều thống nhất thoả thuận giao cháu H cho chị Ngô Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị H đều thoả thuận anh T sẽ có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét thấy việc giao con chung cho ai cần đảm bảo cho cháu H có được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt nhất và tránh sự xáo trộn. Cháu H hiện đang ở cùng chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý giao cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu H cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T sẽ có quyền thăm nom cháu H theo quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đóng góp nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Việc anh T cấp dưỡng nuôi cháu H là tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế, thể hiện trách nhiệm của một người làm cha và cũng để giảm bớt gánh nặng cho chị H. Chị H cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 262, 264, 266, 269, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T. Xử cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Ngô Thị Thu H.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/7/2021 cho chị Ngô Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Minh H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng sơ thẩm (Xác nhận anh Nguyễn Ngọc T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai BLTU/24 số 0002770 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trước sáp nhập). Anh Nguyễn Ngọc T còn phải nộp tiếp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Cường Dũng

Nơi nhận:
- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND/Phòng THADS khu vực 8 - Bắc Ninh;
- UBND xã V, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.